

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2021/HNGĐ – ST

Ngày: 21 – 10 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn

□ □□□

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mua.

2. Ông Nguyễn Hoàng Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2021/TLST– HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 24/9/2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Phạm Tuyết L, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

* Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp 5, xã HL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Phạm Tuyết L trình bày:

Vào năm 2003 trên cơ sở quen biết, tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của gia đình bà L và ông H tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian hạnh phúc vợ chồng được khoảng 17 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, ông H có người phụ nữ khác bên ngoài nên vợ chồng ly thân từ tháng 10/6/2020 cho đến nay. Hiện bà L không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu ly hôn. Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng P,

sinh ngày 28/7/2003 và Nguyễn Khánh H1, sinh ngày 26/02/2006. Bà L yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 28/7/2003, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung Nguyễn Khánh H1, sinh ngày 26/02/2006, bà L đồng ý giao cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu Tòa án giải quyết

- Bị đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông H thống nhất theo trình bày của bà Phạm Tuyết L về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Do vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm.

Nay ông H không đồng ý ly hôn với bà L. Về con chung: ông H yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Khánh H1, sinh ngày 26/02/2006, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 28/7/2003, ông H đồng ý giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Ông H yêu cầu bà L trả lại số tiền là 10.000.000đồng.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: đã được công bố tại biên bản tiếp cận, kiểm tra, giao nộp công khai, chứng cứ và hòa giải ngày 16/6/2021

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

+ Về hôn nhân: Bà L và ông H thống nhất trình bày vào năm 1987, trên cơ sở quen biết, ông H và bà L có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Đây là hôn nhân hợp pháp nên các đương sự không phải chứng minh.

+ Về con chung: Bà L và ông H trình bày có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 28/7/2003 và Nguyễn Khánh H1, sinh ngày 26/02/2006.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông H trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên tình tiết, sự kiện này đương sự không cần phải chứng minh.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự, không thống nhất: Về tài sản riêng: Ông H yêu cầu bà L trả lại số tiền là 10.000.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ gì khác và cũng không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan những tình tiết của vụ án; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện bà L yêu cầu được ly hôn với ông H là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện TB, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TB.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H. Bà Phạm Tuyết L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ việc:

[3] Xét về hôn nhân: Bà L và ông H thành hôn có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng ý kiến. Ông bà có thời gian sống ly thân từ năm 2020 đến nay không trở về đoàn tụ. Bà L xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn tiếp tục chung sống với ông H. Như vậy cho thấy đời sống chung giữa bà L và ông H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa bà L và ông H.

[4] Về con chung: Bà L và ông H thống nhất thỏa thuận như sau:

Giao con chung Nguyễn Khánh H1, sinh ngày 26/02/2006, cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 28/7/2003 đã trưởng thành.

Bà L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Bà L và ông H thống nhất trình bày không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà L và ông H thống nhất trình bày không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản riêng: Ông H yêu cầu bà L trả số tiền 10.000.000đồng. Tòa án đã ra thông báo cho ông H đóng tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu này nhưng phía ông H không nộp biên lai tạm ứng cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà L phải nộp số tiền 300.000đồng tiền án phí về việc xin ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số Nợ 0011088 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 2; Điều 19; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 217; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Tuyết L.

- Về hôn nhân: Cho ông Phạm Tuyết L được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Bà L và ông H thống nhất thỏa thuận như sau:

Giao con chung Nguyễn Khánh H1, sinh ngày 26/02/2006, cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 28/7/2003 đã trưởng thành.

Bà L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Bà Linh và ông Hoàng thống nhất trình bày không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà L và ông H thống nhất trình bày không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản riêng: Ông H yêu cầu bà L trả số tiền 10.000.000đồng. Tòa án đã ra thông báo cho ông H đóng tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu này nhưng phía ông H không nộp biên lai tạm ứng cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà L phải nộp số tiền 300.000đồng tiền án phí về việc xin ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N^o 0011088 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vụ án được xét xử công khai. Bà L, ông H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- UBND xã Tân Lộc, huyện TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Thị Hồng Chi